

Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học đại học ở Việt Nam hiện nay: thực trạng và giải pháp

Ngày nhận bài: 01/10/2023 | Ngày phản biện: 15/10/2023 | Ngày xuất bản: 04/11/2023

Tác giả: Lữ Đăng Nhạc (Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Tóm tắt: (LLCT&TTĐT) Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong dạy học ở bậc đại học luôn được quan tâm và không ngừng đổi mới. Tùy vào điều kiện khác nhau, các cơ sở đào tạo có những chiến lược, cách thức ứng dụng khác nhau nhằm đạt được những kết quả tốt hơn trong hoạt động dạy học của mình. Do đó, để có thêm góc nhìn, chi tiết cụ thể hơn của việc ứng dụng này, chúng tôi đã nghiên cứu dựa trên một số thành tố trong hoạt động dạy học, thực trạng hiện nay, làm rõ hơn các giải pháp căn bản giúp cho hiệu quả của việc ứng dụng CNTT trong dạy học đại học được thuận lợi, đạt được nhiều kết quả hơn.

1. Tổng quan về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học đại học

Trước hết, nhìn từ thực tế, ứng dụng CNTT vào các mặt đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực giáo dục được Đảng và Nhà nước ta quan tâm và thực hiện đồng bộ thông qua nhiều văn bản chỉ đạo, trong đó có Nghị quyết số 52 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4⁽¹⁾. Nghị quyết số 50, năm 2019 của Chính phủ về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52 của Bộ Chính trị⁽²⁾. Đề án tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 đến 2025 định hướng đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ năm 2022⁽³⁾. Điều 4, Luật Công nghệ thông tin 2006⁽⁴⁾, nêu rõ: "Ứng dụng công nghệ thông tin là việc sử dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh và các hoạt động khác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của các hoạt động này". Xét trên thực tế, việc sử dụng thiết bị, công nghệ và hệ thống ứng dụng cho hoạt động dạy học đã giúp các chủ thể tham gia có điều kiện thực hiện tốt những nhiệm vụ theo từng khâu, từng công đoạn, sản phẩm tạo ra có chất lượng

và phù hợp với nhu cầu của xã hội. Với những đặc trưng của dạy học đại học đó là sự chủ động, tích cực của người học trong việc chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng, thực hiện các yêu cầu của chương trình đào tạo, học phần, giáo án và của giảng viên đặt ra⁽⁵⁾. Qua đó, người học hình thành cho mình kiến thức, kỹ năng và thái độ đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu về nội dung, các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, của học phần và yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động.

Trong quá trình dạy học, với nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra, chúng tôi đề xuất năm thành tố cơ bản liên quan đến hoạt động dạy học đó là các giảng viên, sinh viên, hệ thống quản lý, cơ sở vật chất và học liệu phục vụ cho hoạt động dạy học. Từ đó, nghiên cứu việc ứng dụng CNTT qua từng thành tố này.

Dựa trên nhận thức và kinh nghiệm thực tiễn của bản thân trong quá trình ứng dụng CNTT vào dạy học chúng tôi thấy rằng: mỗi thành tố có những vị trí vai trò khác nhau trong hoạt động dạy học, chúng có mối quan hệ tương tác qua lại với nhau tùy theo mô hình, phương pháp dạy học. Tùy vào chiến lược, điều kiện, mỗi cơ sở đào tạo ứng dụng CNTT vào hoạt động dạy học theo cách thức và mức độ khác nhau ở những thời điểm khác nhau. Tuy nhiên, nhìn chung quá trình ứng dụng CNTT thường được trải qua năm giai đoạn khác nhau đó là:

Giai đoạn 1: Giảng viên ứng dụng CNTT một cách cơ bản để soạn thảo giáo án, nghiên cứu, thu thập dữ liệu, in ấn tài liệu và một số hoạt động khác. Sinh viên chỉ tiếp cận với phần mềm thực hành, thực nghiệm, hoàn thành soạn thảo các báo cáo về nội dung học tập. Hệ thống quản lý hoạt động dạy học đơn lẻ, rời rạc kết hợp sử dụng cả phần mềm và thao tác thủ công. Cơ sở vật chất đảm bảo cơ bản cho các hoạt động dạy học diễn ra. Học liệu chưa được số hóa hoặc chỉ số hóa ở một vài nội dung cần thiết.

Giai đoạn 2: Giảng viên có thể sử dụng các phần mềm phổ dụng để soạn giáo án, triển khai giờ giảng và các hoạt động đánh giá sau giờ giảng. Sinh viên được chủ động, tiếp cận và sử dụng các phần mềm tiện ích để tìm kiếm thông tin, lưu trữ và tự học các nội dung mà học phần và giảng viên yêu cầu. Cơ sở vật chất được trang bị cả phần cứng, phần mềm và nền tảng đường truyền kết nối tốt để giảng viên và sinh viên có thể tương tác với nhau. Các học liệu được số hóa ở dạng thức đa phương tiện và hệ thống

quản lý giúp giảng viên và sinh viên có thể khai thác được nguồn học liệu đa dạng, phong phú được cung cấp, chia sẻ trên hệ thống mà cơ sở đào tạo xây dựng, triển khai.

Giai đoạn 3: Cơ sở đào tạo cung cấp đồng bộ hệ thống tiện ích ứng dụng để giảng viên có thể xây dựng một chương trình, khóa học, đề cương học phần và bài giảng theo những chuẩn chung được đặt ra. Sinh viên có thể sử dụng các phần mềm để tiếp thu kiến thức, kỹ năng, chủ động hoàn thành các nội dung học tập theo yêu cầu đặt ra hoặc tạo ra những tri thức của riêng cá nhân họ. Cơ sở vật chất được trang bị tương đối hoàn thiện theo yêu cầu đặt ra. Phần mềm hệ thống quản lý được triển khai ở hầu hết các khâu, nhiệm vụ khác nhau của hoạt động dạy học, cung cấp cho người dạy, người học có thể sử dụng thường xuyên các dịch vụ số khác nhau.

Giai đoạn 4: Công nghệ thông tin được ứng dụng trong tất cả các khâu dạy và học. Các phần mềm, hệ thống được đồng bộ để giảng viên, sinh viên có thể thực hiện hoạt động dạy và học với cơ sở vật chất tốt, hệ thống quản lý thuận tiện, nội dung học liệu được số hóa, đầy đủ, đa dạng đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu mà chương trình đào tạo đặt ra. Nội dung dạy học có thể kế thừa, chia sẻ, cập nhật và kết nối thực hiện không phụ thuộc vào không gian và thời gian.

Giai đoạn 5: Dựa trên phần mềm, hệ thống được đồng bộ, tự động hóa ở tất cả các khâu của hoạt động dạy học. Trong đó, đồng bộ, số hóa các thông tin từ các thành tố là cơ sở để cơ sở đào tạo có thể ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào tối ưu các nguồn lực, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động dạy học. Các chủ thể trong hoạt động này được hỗ trợ từ những ứng dụng thông minh, gợi mở cách thức thực hiện nhiệm vụ của mình tối ưu hơn, đạt được kết quả theo yêu cầu đặt ra. Với nền tảng là vạn vật kết nối để thu nhận các dữ liệu, xây dựng kho dữ liệu, học liệu lớn, áp dụng các thuật toán học sâu để khai phá tri thức cần thiết. Một số ứng dụng cơ bản như sáng tạo các nội dung dựa trên kho dữ liệu lớn thu thập được; phần mềm hỗ trợ kết nối, tương tác, mô phỏng đa chiều, cá nhân hóa sẽ được từng bước ứng dụng vào dạy học theo những điều kiện cụ thể khác nhau. Qua đó cho thấy, việc ứng dụng CNTT mang lại nhiều tiện ích, hỗ trợ cho giảng viên, sinh viên và nhà quản lý thực hiện hiệu quả nhiệm vụ của mình.

Dựa trên sự kết hợp, đồng bộ giữa các hệ thống, phần mềm, giáo án, bài giảng được thiết kế với đầy đủ nội dung có cấu trúc phù hợp, cùng với hình ảnh trực quan, video minh họa với các chuẩn hiện đại, triển khai trên các nền tảng và thiết bị đa dạng, kích thích các giác quan của người học, mang lại cho họ nhiều trải nghiệm với vấn đề đặt ra, ghi nhớ nhiều kiến thức và hình thành kỹ năng mà mục đích, yêu cầu bài giảng, học phần đó đặt ra. Đồng thời, thúc đẩy khả năng tưởng tượng, tư duy của sinh viên, khuyến khích người học chủ động tìm hiểu kiến thức dựa trên phần mềm như là những công cụ được ứng dụng trong hoạt động dạy học. Hơn nữa, việc ứng dụng CNTT thúc đẩy tương tác hai chiều giữa giảng viên và sinh viên với nhiều dạng thức khác nhau, có thể là trực tuyến hoặc trực tiếp ở nhiều mức độ khác nhau không gò bó, không phụ thuộc vào thời gian, không gian như các phương pháp truyền thống trước đây. Đặc biệt, đó là sử dụng các nền tảng phần mềm mở dựa trên Internet giúp giảng viên, sinh viên nhận được nhiều sự trợ giúp từ giảng viên cũng như hỗ trợ nhau trong quá trình học tập với kinh phí tối thiểu. Điều này cũng có thể khơi gợi tinh thần tự giác, chủ động và sự hứng thú tìm tòi kiến thức mới của người học. Thực hiện hoạt động dạy học mọi lúc, mọi nơi, thu hẹp các giới hạn, rào cản về địa lý. Mở rộng cơ hội để người học có thể tiếp cận được tri thức toàn cầu, mang lại cơ hội làm việc, cơ hội sống tốt hơn cho nhiều đối tượng khác nhau. Trước tình hình có nhiều sự thay đổi trong lĩnh vực khoa học công nghệ có tác động lớn đến hoạt động giáo dục, việc nghiên cứu ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học ở bậc đại học ở Việt Nam hiện nay có ý nghĩa thực tiễn, cung cấp những góc nhìn phù hợp, gợi mở cho các chủ thể tham gia hoạt động dạy học ở bậc đại học có thêm định hướng trong việc ứng dụng khoa học công nghệ nhằm đổi mới phương pháp, nâng cao tri thức kỹ năng của mình nhằm hoàn thiện nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

2. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học đại học hiện nay

Sự phát triển của thiết bị phần cứng máy tính, tốc độ đường truyền, thuật toán thông minh là nền tảng cho các phần mềm ứng dụng, các hệ thống tương tác, quản lý nội dung ngày càng được phổ dụng, tác động làm thay đổi cách thức, phương pháp của hoạt động dạy học. Với sự đầu tư về nền tảng cơ sở vật chất, số hóa các học liệu, sử dụng các hệ thống quản lý tập trung, đồng bộ, ứng dụng nền tảng chia sẻ, tương tác đã giúp cho giảng viên, sinh viên có thể chủ động thực hiện nhiệm vụ của mình mà

không phụ thuộc vào không gian, thời gian bị cố định như trước đây. Hiện nay, hệ thống Internet đã được đầu tư, triển khai ở hầu khắp các miền của đất nước, là nền tảng cho các phần mềm ứng dụng được chia sẻ rộng rãi trên đa dạng chủng loại thiết bị số. Trong đó, có cả những ứng dụng miễn phí và ứng dụng trả kinh phí khi sử dụng trong quá trình dạy học⁽⁶⁾. Đa số các cơ sở đào tạo trên cả nước đã phổ cập CNTT ở giai đoạn 2, phần mềm tiện ích xây dựng học liệu, giáo án điện tử như Microsoft Word, Microsoft PowerPoint, Canva, Prezi, mindmap tạo slide bài giảng được ứng dụng, khai thác dễ dàng. Xây dựng và đóng gói bài giảng với các phần mềm Ispring suite, Adobe Presenter, các phần mềm biên tập bài giảng như Adobe Premiere, Adobe after effect được sử dụng phổ biến ở các mức độ khác nhau. Phần mềm quản lý lớp học, tạo lớp học ảo như Google Classroom, Microsoft Team, nền tảng mở Moodle, Mooc đã hỗ trợ nhà quản lý, giảng viên, sinh viên thực hiện tốt hoạt động dạy học. Đồng thời, tạo ra môi trường quản lý, tương tác mới, hiện đại dựa trên tài khoản người dùng. Một số ứng dụng hỗ trợ đánh giá kết quả dạy học khác như Google Form, Microsoft Form, hệ thống đánh giá trực tuyến và các ứng dụng chuyên biệt đặt hàng theo từng cơ sở với mục đích thực hiện tự động hóa các nhiệm vụ trong quá trình dạy học được ứng dụng ngày càng hiệu quả hơn.

Qua thực tế triển khai ứng dụng CNTT cho thấy cần sự đầu tư lớn, lâu dài về cơ sở vật chất, nguồn lực tài chính và con người để xây dựng, triển khai và duy trì, vận hành ứng dụng; tùy từng cơ sở có mô hình, quy mô và tiềm lực khác nhau sẽ có chiến lược khác nhau. Bên cạnh đó, một số cơ sở đã tập trung nguồn lực đầu tư, ứng dụng CNTT cho hoạt động dạy học ở giai đoạn 3, dựa trên những nền tảng chuyên dụng, các chương trình được thiết kế, bố cục chặt chẽ. Kho học liệu đa dạng, cập nhật theo các chuẩn mới. Nền tảng tương tác mở, thuận tiện giúp các giảng viên, sinh viên, nhà quản lý được làm việc trên môi trường tự động hóa, minh bạch và đạt được hiệu quả đào tạo theo mục tiêu mà mỗi chương trình đặt ra. Một số ít cơ sở ngoài công lập hoặc có yếu tố đầu tư nước ngoài có nguồn lực lớn, đầu tư thực hiện ứng dụng CNTT ở giai đoạn 4, với cơ sở vật chất hiện đại, phần mềm chuyên dụng được đồng bộ trên nền tảng kết nối, tương tác tốc độ cao, đảm bảo thực hiện nhiều chức năng phục vụ cho hoạt động dạy học. Tuy nhiên, đối với giai đoạn 5, một số cơ sở đào tạo đang thực hiện thí điểm đối với chương trình dạy học phù hợp, có khả năng triển khai trên thực tế.

Để có thể ứng dụng trí tuệ nhân tạo, cần có sự số hóa một cách đồng bộ nên một số ít các học phần, bài giảng đã và đang thử nghiệm ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong việc hỗ trợ giảng viên xây dựng và sáng tạo ra những nội dung phù hợp với từng loại hình đối tượng nhằm cá nhân hóa hoạt động dạy học. Các nội dung bài giảng, phần mềm ứng dụng được tự động điều chỉnh cho phù hợp với đặc trưng của mỗi sinh viên, giúp họ có được sự lựa chọn và kết quả học tập tốt hơn. Việc tự động hóa, thông minh hóa các nhiệm vụ trong hoạt động dạy học làm cho môi trường học tập trở nên tiết kiệm và tối ưu, đạt hiệu quả khả quan hơn. Hệ thống phần mềm ứng dụng trí tuệ nhân tạo sẽ tự động hóa nhiệm vụ trước và trong giờ giảng đồng thời hỗ trợ kiểm tra kiến thức sau giờ giảng đi kèm với các nhiệm vụ quản trị khác. Hỗ trợ sự tương tác giữa người học và hệ thống thông qua các tiện ích thông minh, trả lời tự động truy vấn kiến thức từ người sử dụng. Tuy nhiên, để xây dựng và triển khai những hệ thống này, cần có những yêu cầu cao về thời gian và sự đầu tư các nguồn lực khác nên trên thực tế hiện nay ở nước ta, mới chỉ dừng lại ở mức thử nghiệm cơ bản hoặc chỉ áp dụng với một số lĩnh vực đào tạo đặc thù.

Thực tiễn ứng dụng CNTT trong các trường đại học hiện nay cũng đã cho chúng ta thấy rõ một số vấn đề đặt ra: Trước tiên đó là nguồn lực tài chính sử dụng cho mua sắm cơ sở vật chất, không phải đơn vị nào cũng có đủ khả năng để trang bị đầy đủ, hiện đại theo kịp nhu cầu thực tế. Các giới hạn về cơ chế chính sách mua sắm, sử dụng và vận hành đã trở thành rào cản. Thiết bị đầu tư thiếu đồng bộ, dàn trải, lạc hậu có thể dẫn đến lãng phí, kéo lùi sự phát triển chung. Thứ hai, sự thiếu hụt nhân lực có chuyên môn công nghệ cao, đội ngũ cán bộ chủ chốt để xây dựng, vận hành các phần mềm CNTT còn chưa đáp ứng với nhiệm vụ, yêu cầu đặt ra. Thứ ba, còn tồn tại tâm lý ngại khó, ngại đổi mới của một số nhân sự yếu về kỹ năng CNTT dẫn đến sự khó khăn trong triển khai các phần mềm ứng dụng. Sinh viên thiếu sự tự giác học tập khi sử dụng phần mềm, công nghệ. Tâm lý tự do, thiếu sự quản lý trực tiếp dẫn đến sự sa nhãng mất tập trung trong quá trình học tập thường xuyên diễn ra. Những yếu tố này trực tiếp dẫn đến hiệu quả ứng dụng CNTT ở các cơ sở đào tạo có sự khác nhau, trong đó nguyên nhân gây nên sự không đồng đều nay chính là vì ngân sách hạn hẹp và yếu tố về con người như đã kể trên. Bên cạnh đó, các thủ tục, cơ chế liên quan đến việc ứng dụng CNTT còn có sự bất cập, chồng chéo, khó triển khai trên thực tế; quá trình giải quyết các vấn đề khó khăn, tồn đọng còn chậm, chưa thực sự đột phá để

chuyển sang các giai đoạn ứng dụng CNTT cao hơn. Để tháo gỡ những điểm nút này cần có những chính sách, quyết sách đúng đắn đi cùng với những giải pháp phù hợp với từng điều kiện, đặc thù ở mỗi cơ sở đào tạo trong bối cảnh hiện nay.

3. Một số giải pháp nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở Việt Nam

Từ những vấn đề mà thực tiễn ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học đặt ra. Tùy vào đặc thù của các cơ sở đào tạo sẽ có những giải pháp khác nhau. Thể hiện ở một số điểm căn cốt, thiết yếu giúp cho việc ứng dụng CNTT đạt được hiệu quả đó là. Một là, sớm xây dựng đề án số hóa cơ sở đào tạo theo chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước đúng quy định, kịp thời, cập nhật, đặc biệt chú trọng đến những định hướng, quy định trong lĩnh vực giáo dục, dạy học. Đây là vấn đề cơ sở, nền móng mang tính kiến trúc tổng thể, để từ đó có những chiến lược đầu tư, phát triển theo từng nhiệm vụ cụ thể, các mức độ tương ứng khác nhau theo từng giai đoạn phát triển. Giảm thiểu sự thiếu đồng bộ khi ứng dụng CNTT vào từng nhiệm vụ của hoạt động dạy học, lãng phí nguồn lực và kéo chậm sự phát triển theo định hướng chung của cơ sở đào tạo.

Hai là, xây dựng hạ tầng cơ sở kết nối và kho dữ liệu số về hoạt động dạy học nói riêng và tổng thể các mặt hoạt động khác của cơ sở đào tạo nói chung để từ đó có thể khai thác thông tin phục vụ hoạt động dạy học có hiệu quả hơn. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, đồng bộ có tính quy hoạch, tránh tình trạng lạc hậu sai khớp khi vận hành. Lựa chọn hạ tầng kết nối mạng có dây và không dây tốc độ cao, đủ băng thông để triển khai thông suốt các hoạt động trên nhiều nền tảng khác nhau, có sự đảm bảo, tập trung và an toàn thông tin. Qua đó, tiếp cận với nguồn tài nguyên phong phú, hữu ích trên không gian mạng, sử dụng đồng thời với đóng góp, chia sẻ để xây dựng cộng đồng chung, từ đó nhận được những tri thức, kinh nghiệm đối với cá nhân và tập thể khi tham gia hoạt động dạy học trong môi trường này.

Ba là, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trực tiếp hoặc gián tiếp xây dựng, vận hành, sử dụng hệ thống công nghệ thông tin cho hoạt động giảng dạy và những nhiệm vụ có liên quan. Đây là giải pháp then chốt mà các cơ sở đào tạo đang gặp phải nhiều vấn đề khó khăn bất cập, đặc biệt là những cơ sở không có đào tạo hoặc nhân lực chuyên

sâu về CNTT. Việc thu hút, giữ chân người có chuyên môn cao trong lĩnh vực CNTT thiếu hụt và có sự cạnh tranh cao. Nếu lựa chọn giải pháp sử dụng đơn thuần các dịch vụ CNTT phục vụ cho hoạt động dạy học sẽ đối diện với sự phụ thuộc vào nhà cung cấp, tính bảo mật, an toàn và minh bạch về dữ liệu. Do đó, cơ sở đào tạo cần có một bộ phận chuyên trách về công nghệ thông tin để thực hiện, đảm bảo cho công tác và những yêu cầu kỹ thuật có liên quan. Quan tâm, xây dựng chính sách thu hút và duy trì cán bộ chủ chốt có kiến thức hệ thống thông tin bao quát, sâu chặt, tham mưu cho lãnh đạo những quyết sách về CNTT cũng như định hướng, xây dựng, vận hành những hệ thống lõi. Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về công nghệ mới cho rộng khắp các cá nhân tham gia quá trình dạy học. Từng bước nâng cao nhận thức, thói quen và kỹ năng công nghệ. Hình thành khả năng tự nghiên cứu, thu thập thông tin, phân tích dữ liệu, kỹ năng phản biện độc lập, tư duy phân tích và phán đoán, hoàn thành nhiệm vụ của mình ngày càng hiệu quả hơn.

Bốn là, đổi mới hình thức, phương pháp dạy học dựa trên việc xây dựng kho học liệu điện tử, hệ thống phần mềm ứng dụng và thiết bị hiện đại. Thay vì dạy học thông qua hình thức đọc chép, trình chiếu đơn thuần. Ứng dụng các phần mềm tin học để xây dựng giáo án, bài giảng và các nội dung dạy học khác, tạo nên sự sinh động thu nhận được nhiều thành quả hơn. Kết hợp đa dạng các hình thức dạy học dựa trên các nền tảng trực tuyến sẽ từng bước đạt được sự đồng bộ, hiệu quả trong dạy học, công tác quản lý và đánh giá.

Năm là, chủ động, tích cực ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phương tiện, kỹ thuật cao vào hoạt động dạy học. Trước xu thế và sự phát triển của trí tuệ nhân tạo hiện nay, trong quá trình xây dựng phần mềm, nhà trường cần đầu tư, lựa chọn và sử dụng phổ biến các ứng dụng, hệ thống có tính mở, tích hợp những chức năng nâng cao, chuyên sâu dựa trên ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Từ đó, các chủ thể tham gia trực tiếp, gián tiếp vào hoạt động dạy học có thể chủ động, độc lập và tối ưu các nguồn lực, nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn của mình.

Sáu là, điều chỉnh, bổ sung chiến lược, đề án, các văn bản quy định phù hợp trong tình hình mới. Sự phát triển của khoa học công nghệ ngày càng nhanh, kéo theo nhận thức và hành vi của các đối tượng tham gia vào quá trình dạy học cũng có nhiều thay đổi. Cần phải sửa đổi, điều chỉnh hệ thống quy định kịp thời cho phù hợp với thực tiễn. Tạo

ra môi trường làm việc chủ động, hiệu quả, khích lệ giảng viên, sinh viên ứng dụng CNTT, đổi mới, đa dạng phương thức dạy học, thực hiện nhiệm vụ, hoạt động chuyên môn, đạt được những kế hoạch, mục tiêu đề ra.

Như vậy có thể thấy, hoạt động ứng dụng CNTT của mỗi cơ sở đào tạo là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, là nền tảng cơ bản trong công tác chuyển đổi số để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học. Và để hoạt động này ngày càng có hiệu quả trong tình hình thực tiễn, yêu cầu cần thiết phải dựa trên những thành tố cơ bản của quá trình dạy học để có chiến lược lâu dài, quyết liệt nhằm đổi mới, thực hiện hiệu quả các giải pháp đề ra. Đặc biệt là cần quan tâm chú trọng đến yếu tố con người, từ đó có chính sách thu hút, bồi dưỡng, nâng cao tri thức, kỹ năng công nghệ để họ chủ động hoàn thiện nhiệm vụ khi tham gia hoạt động dạy học. /.

Tài liệu tham khảo

- (1) Bộ Chính trị (2019), Nghị quyết số 52-NQ/TW, Về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Hà Nội
- (2) Chính phủ (2020), Nghị quyết số 50/NQ-CP, về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Hà Nội.
- (3) Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 131/QĐ-TTg, Phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030", Hà Nội.
- (4) Quốc hội (2006), Luật số 67/2006/QH11 của Quốc hội, Luật Công nghệ thông tin của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hà Nội
- (5) Đặng Vũ Hoạt (2008), Lý luận dạy học đại học, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
- (6) Ngô Thị Thanh Huyền, Nguyễn Hồng Hạnh (2021), Đổi mới phương pháp giảng dạy tại Đại học Quốc gia Hà Nội đáp ứng giáo dục 4.0, <https://unihub.vnu.edu.vn/2021/12/10/doi-moi-phuong-phap-giang-day-tai-dai-hoc-quoc-gia-ha-noi-dap-ung-giao-duc-4-0/>, truy cập ngày 18 tháng 10 năm 2023.